TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/DS-ST
Ngày: 28/7/2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự "vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh là thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Không có tham gia.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2017/TLST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự "vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm: 1972 (Có mặt)

* *Bị đơn:* 1/ Anh **Phạm Hồng D**, sinh năm: 1985 (Có mặt)

2/ Chị **Kiên Thị H1** (vợ anh D), sinh năm: 1990 (Vắng mặt, có lý do).

Cùng địa chỉ: Ấp T.T, xã Đ.T, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Nguyên từ trước năm 2015, tôi có cho vợ chồng cháu Phạm Hồng D và Kiên Thị H1 vay nhiều lần (*mỗi lần là 10.000.000 đồng với hình thức trả góp, cứ 10.000.000 đồng là góp 90 ngày, mỗi ngày 120.000 đồng*). Tính dến ngày 26/4/2016 (*nhằm ngày 20/3/2016 âm lịch*) thì vợ chồng cháu D và H1 còn lại tôi số tiền gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Đồng thời, vợ chồng D có hỏi của tôi thêm số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), tại thời điểm ngày 26/4/2016 (*nhằm ngày 20/3/2016 âm lịch*) cháu D có viết giấy cố nền nhà cho tôi và có ghi thêm phần nợ trước là 20.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng cháu D nợ tôi là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), mục

đích viết giấy cố nền nhà là để làm niềm tin vì lúc hỏi vay vợ chồng D không có gì để thế chấp cho tôi. Sau khi viết giấy cố nền nhà, vợ chồng cháu D có trả cho tôi được 07 ngày tiền lãi với số tiền là 1.120.000 đồng (*160.000 đồng/ngày/70 triệu đồng*) và sau trả thêm được 2.000.000 đồng, tổng cộng tôi nhận tiền lãi của vợ chồng cháu D là 3.120.000 đồng (*Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Sau khi tôi nhận số tiền lãi nói trên, vợ chồng cháu D không trả cho tôi được khoản nào nên tôi gửi đơn đến ban lãnh đạo ấp T.T giải quyết thì vợ chồng cháu D có thừa nhận còn nợ tôi số tiền gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) và hứa trả góp vừa gốc vừa lãi là 200.000đồng/01 ngày, trong thời gian là 14 tháng (*tương đương 84.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 14.000.000 đồng*). Vợ chồng cháu D góp cho tôi được 49 ngày (*tương đương 9.800.000 đồng, trong đó tiền gốc 8.167.000 đồng và tiền lãi 1.633.000 đồng*) thì đến nay không có trả thêm được khoản nào nữa.

Như vậy, sau khi góp được 49 ngày thì số nợ gốc vợ chồng cháu D còn nợ lại tôi là 61.833.000 đồng (*Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*) và tiền lãi cho đến nay.

Nay tôi yêu cầu như sau: Buộc vợ chồng cháu Phạm Hồng D và Kiên Thị H1 trả cho tôi 01 lần số tiền gốc và tiền lãi. Cụ thể, số tiền gốc còn lại là 61.833.000 đồng (*Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi suất bằng 1.5%/tháng, thời gian tính lãi như sau:

- Từ ngày viết giấy cố nền nhà 26/4/2016 đến ngày 06/12/2016 (*nhằm ngày 20/32016 đến ngày 09/11/2016 âm lịch*) trên số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng.

- Từ ngày 07/12/2016 đến ngày 24/01/2017 (*nhằm ngày 09/11/2016 đến ngày 27/12/2016 âm lịch*) là 49 ngày, số tiền lãi của thời gian này tôi đã nhận xong nên không yêu cầu Tòa xem xét.

- Từ ngày 25/01/2017 đến ngày 28/7/2017 trên số tiền gốc là 61.833.000 đồng (*Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Tôi không có yêu cầu gì đối với nền nhà mà vợ chồng cháu D đã cố cho tôi khi vay tiền.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Hồng D trình bày*: Tôi xác nhận trước đây, vợ chồng tôi có hỏi vay tiền góp hàng ngày của cô Thanh H nhiều lần (theo cách cho vay ở Ngân hàng Kiên Long).

Từ ngày 06/5/2016 đến ngày 07/6/2016 (*nhằm ngày 30/3/2016 đến ngày 03/5/2016 âm lịch*) vợ chồng tôi có hỏi vay của cô Thanh H 05 lần (mỗi lần là 10.000.000 đồng) với số tiền là 50.000.000 đồng, vợ chồng tôi có viết giấy cố nền nhà cho cô Thanh H mục đích là để làm niềm tin với nhau vì nền nhà vợ chồng tôi vẫn đang sử dụng cho đến nay. Ngoài ra, lúc ký tên vào giấy cầm cố nền nhà ngày 20/3/2016 nhưng gần 01 tháng sau vợ chồng tôi mới nhận đủ tiền.

Ngày 11/10/2016 (*nhằm ngày 11/9/2016 âm lịch*) vợ chồng tôi trả được cho cô Thanh H 10.000.000 đồng, còn lại tiền gốc là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Cũng trong ngày 11/10/2016 (*nhằm ngày 11/9/2016 âm lịch*) là vợ chồng tôi có viết vào giấy cố nền nhà ngày 20/3/2016 âl là có hỏi thêm của cô Thanh H 20 triệu nhưng thực chất cộng tiền còn nợ lại trước kia là 30 triệu đồng cộng với số nợ ghi trong giấy cố nền nhà còn 40 triệu đồng, cộng lại 02 khoản vẫn là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Ngày 11/11/2016DL, vợ chồng tôi trả cho cô Thanh H 2.000.000 đồng tiền lãi của số tiền gốc 40 triệu đồng, số tiền lãi này vợ chồng tôi không có gì chứng minh.

Do vợ chồng tôi không có khả năng góp hàng ngày nên trả lãi cho cô Thanh H mỗi ngày là 160.000đồng/01 ngày/70 triệu đồng. Vợ chồng tôi đóng lãi được 20 ngày (*tương đương số tiền là 3.200.000 đồng*) thì ngưng không đóng nữa, số tiền lãi này vợ chồng tôi cũng không có giấy tờ gì để chứng minh.

Sau đó, vợ chồng tôi xin cô Thanh H cho trả mỗi ngày là 200.000 đồng (vừa gốc vừa lãi), góp trong thời gian là 14 tháng (*tương đương số tiền là 84.000.000 đồng, trong đó 14.000.000 đồng tiền lãi và 70.000.000 đồng tiền gốc*) nhưng cô Thanh H không đồng ý nên cô Thanh H gửi đơn đến Ban lãnh đạo ấp và được giải quyết vào ngày 22/11/2016. Sau khi hòa giải tại Ban lãnh đạo ấp thì vợ chồng tôi bắt đầu trả góp cho cô Thanh H mỗi ngày 200.000 đồng (*vừa gốc vừa lãi*) từ ngày 07/12/2016 đến ngày 24/01/2017 (*nhằm ngày 09/11/2016 đến ngày 27/12/2016 âm lịch*) được 49 ngày (*tương đương số tiền là 9.800.000 đồng, trong đó tiền gốc 8.167.000 đồng và 1.633.000 đồng*) thì vợ chồng tôi không trả nữa cho đến nay.

Nay, cô Thanh H yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền gốc còn lại và tiền lãi 01 lần thì vợ chồng tôi không có khả năng.

- Đối với số tiền gốc vợ chồng tôi xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 61.833.000 đồng (*Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

- Đối với số tiền lãi: Vợ chồng tôi xác nhận còn nợ tiền lãi của cô Thanh H từ ngày 11/10/2016 (*nhằm ngày 11/9/2016 âm lịch*) cho đến nay. Vợ chồng tôi đồng ý tính tiền lãi theo mức lãi suất là 1.5%/tháng nhưng vợ chồng tôi xin không trả phần tiền lãi.

* Tại phiên tòa, bị đơn chị Kiên Thị H1 vắng mặt nhưng trong đơn xin vắng mặt ngày 10/6/2017, chị có ý kiến là những nội dung trình bày và yêu cầu của anh D cũng là ý kiến và yêu cầu của chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H đối với anh Phạm Hồng D và chị Kiên Thị H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật xảy ra tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Thanh H với anh Phạm Hồng D, chị Kiên Thị H1 là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự "vay tài sản".

[2] *Về nội dung trong vụ án:* HĐXX xét thấy, từ trước năm 2015, chị Thanh H có cho vợ chồng anh D vay nhiều lần nhưng đến ngày 26/4/2016 (*nhằm ngày 20/3/2016 âm lịch*) anh D mới ký vào giấy cố nền nhà và xác nhận còn nợ chị Thanh H tổng cộng số tiền là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) và mục đích viết giấy cố nền nhà là để làm niềm tin vì lúc hỏi vay vợ chồng anh D không có gì để thế chấp cho chị Thanh H.

Vợ chồng anh D cho rằng, sau khi ký giấy cố nền nhà, vợ chồng anh D có trả cho chị Thanh H được 20 ngày tiền lãi và sau đó trả thêm được 02 triệu đồng tiền lãi nữa, tổng số tiền lãi đã trả là 5.200.000 đồng nhưng chị Thanh H xác nhận là chỉ nhận của anh D với số tiền lãi tổng cộng là 3.120.000 đồng. Cả 02 khoản tiền này, chị Thanh H và anh D không có giấy tờ gì chứng minh.

Do vợ chồng anh D không trả khoản tiền nào nữa nên chị Thanh H có gửi đơn đến Ban lãnh đạo ấp giải quyết thì anh D có thừa nhận vợ chồng anh còn nợ chị Thanh H số tiền gốc 70.000.000 đồng và hứa trả góp mỗi ngày là 200.000 đồng trong thời gian là 14 tháng bằng số tiền là 84.000.000 đồng, *(trong đó, tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 14.000.000 đồng*).

Sau khi hòa giải ở ban lãnh đạo ấp, bắt đầu từ ngày 07/12/2016 đến ngày 24/01/2017 (*nhằm ngày 09/11/2016 đến ngày 27/12/2016 âm lịch*) vợ chồng anh D góp cho chị Thanh H được 49 ngày với số tiền là 9.800.000 đồng, đến nay không có trả nữa nên chị Thanh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh D trả cho chị số tiền gốc còn lại và yêu cầu tính lãi 1.5%/tháng trên thời gian mà chồng anh D không trả tiền lãi. Sau đó, cộng gốc và lãi trừ vào số tiền chị đã nhận, còn lại bao nhiêu yêu cầu trả 01 lần và không yêu cầu gì đối với nền nhà mà vợ chồng anh D đã cố cho chị Thanh H khi vay tiền.

2.1 HĐXX xét thấy, việc chị Thanh H cho vợ chồng anh D, chị H1 vay nhiều lần và hiện nay vợ chồng anh D, chị H1 còn nợ số tiền gốc là 70.000.000 đồng và đã trả góp được 49 ngày (mỗi ngày là 200.000 đồng vừa gốc vừa lãi) với số tiền là 9.800.000 đồng là có thật.

2.2 Đối với số tiền gốc:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn, tại phiên tòa chị Thanh H yêu cầu vợ chồng anh Phạm Hồng D và chị Kiên Thị H1 trả cho chị 01 lần số tiền còn lại là 61.833.000

đồng (*Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*) là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, chị Thanh H xác nhận anh Dư đã góp được 49 ngày với số tiền là 9.800.000 đồng. Số tiền 9.800.000 đồng này được tính như sau:

Lãi 14 triệu đồng : [14 tháng (tương đương 420 ngày)] x 49 ngày = 1.633.000 đồng. 9.800.000 đồng - 1.633.000 đồng = 8.167.000 đồng. Như vậy số tiền gốc mà vợ chồng anh D đã trả được cho chị Thanh H là 8.167.000 đồng và chỉ còn nợ lại chị Thanh H số tiền gốc là 61.833.000 đồng.

- Xét lời khai nại của bị đơn anh D và chị H1, cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng anh chị xin trả dần mỗi tháng là 02 triệu đồng cho đến khi hết nợ gốc và xin không trả phần lãi. HĐXX xét thấy, việc trả dần của vợ chồng anh D là kéo dài thời gian làm thiệt thòi quyền lợi của chị Thanh H và Thanh H cũng không đồng ý cho vợ chồng anh D trả dần và cũng không đồng ý cho vợ chồng anh không trả phần tiền lãi. Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 357 BLDS năm 2015 quy định "*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*" nên HĐXX không có cơ sở để ghi nhận. Do đó, cần buộc vợ chồng anh D, chị H1 có nghĩa vụ trả cho chị Thanh H số tiền gốc 61.833.000 đồng (*Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*) và phần tiền lãi khi án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Về lãi suất, trong quá trình giải quyết giữa chị Thanh H và vợ chồng anh D thống nhất tính lãi suất bằng 1.5%/tháng (tương đương 18%/năm), HĐXX xét thấy, mức lãi suất thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện và thấp hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 nên HĐXX ghi nhận và làm căn cứ tính tiền lãi. Do đó, lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 26/4/2016 đến ngày 06/12/2016 (*nhằm ngày 20/32016 đến ngày 09/11/2016 âm lịch*) là 07 tháng 10 ngày x (70.000.000 đồng x 1.5%/tháng) = 7.700.000 đồng.

Từ ngày 07/12/2016 đến ngày 24/01/2017 (*nhằm ngày 09/11/2016 đến ngày 27/12/2016 âm lịch*) là 49 ngày = 1.633.000 đồng, vợ chồng anh D đã thực hiện xong nên chị Thanh H không yêu cầu Tòa xem xét trong khoản thời gian này.

Từ ngày 25/01/2017 đến ngày 28/7/2017 là 06 tháng 03 ngày x (61.833.000 đồng x 1.5%/tháng) = 5.657.719 đồng.

Tộng tiền lãi là 13.357.719 đồng - 3.120.000 đồng (*Số tiền chị Thanh H nhận trước khi hòa giải tại âp*) = 10.237.719 đồng (*Mười triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm mười chín đồng*).

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi mà vợ chồng anh D, chị H1 phải trả cho chị Thanh H là 72.070.719 đồng (*Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm mươi chín đồng*).

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:

- Buộc anh Phạm Hồng D và chị Kiên Thị H1 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho chị Thanh H là 72.070.719 đồng x 5% = 3.603.535 đồng (*Ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*).

- Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H được chấp nhận nên hoàn trả lại cho chị số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 1.750.000 đồng theo lai thu số 0000278 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng chị Kiên Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc anh Phạm Hồng D và chị Kiên Thị H1 trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền gốc 72.070.719 đồng (*Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm mười chín đồng*).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Hồng D và chị Kiên Thị H1 không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng anh Phạm Hồng D và chị Kiên Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí có giá ngạch:

- Buộc anh Phạm Hồng D và chị Kiên Thị H1 phải chịu án phí là 3.603.535 đồng (*Ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*)

- Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo lai thu số 0000278 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Ngày 28/7/2017)

Riêng chị Kiên Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được

niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Cẩm Lình